Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9508.23.00

Mã HS	9508.23.00
Mô tả hàng hóa	Rạp xiếc lưu động và bầy thú xiếc lưu động; trò chơi di chuyển trong công viên giải trí (amusement park rides) và trò chơi công viên nước (water park amusements); trò chơi hội chợ (fairground amusements), kể cả khu bắn súng giải trí; rạp lưu động / - Trò chơi di chuyển trong công viên giải trí và trò chơi công viên nước: / - - Trò chơi xe đụng
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	03/11/2026 20:36:22
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/95082300/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	15	15%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18814
Thuế NK ưu đãi (MFN)	10	10%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18814
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18814
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	7	7%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E18090
ATIGA	2022	2022	0	AT!E18019
ATIGA	2023	2023	0	AT!F18019
ATIGA	2024	2024	0	AT!G18019
ATIGA	2025	2025	0	AT!H18019
ATIGA	2026	2026	0	AT!I18019
ATIGA	2027	2027	0	AT!J18019
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E18075
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F18075
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G18075
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H18075

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I18075
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J18075
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E18076
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F18076
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G18076
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H18076
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I18076
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J18076
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F18081
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H18038
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F18033
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G18033
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H18033
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I18033
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J18033
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K18033
VKFTA	2022	2022	0	VK!E18081
VKFTA	2023	2023	0	VK!F18081
VKFTA	2024	2024	0	VK!G18081
VKFTA	2025	2025	0	VK!H18081
VKFTA	2026	2026	0	VK!I18081
VKFTA	2027	2027	0	VK!J18081
VCFTA	2022	2022	2	VC!D18145
VCFTA	2023	2023	1	VC!E18145
VCFTA	2024	2024	0	VC!F18145
VCFTA	2025	2025	0	VC!G18145

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H18145
VCFTA	2027	2027	0	VC!I18145
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D18119
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E18119
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F18119
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G18119
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H18119
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I18119
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D18112
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E18112
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F18112
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G18112
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H18112
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I18112
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D18142
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E18142
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F18142
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G18142
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H18142
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I18142
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D18141
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E18141
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F18141
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G18141
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H18141
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I18141

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D18235
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E18235
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F18235
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G18235
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H18235
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I18235
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J18235
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D18106
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E18106
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F18106
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G18106
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H18106
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I18106
RCEP B	2022	2022	0	B!D18106
RCEP B	2023	2023	0	B!E18106
RCEP B	2024	2024	0	B!F18106
RCEP B	2025	2025	0	B!G18106
RCEP B	2026	2026	0	B!H18106
RCEP B	2027	2027	0	B!I18106
RCEP C	2022	2022	0	C!D18104
RCEP C	2023	2023	0	C!E18104
RCEP C	2024	2024	0	C!F18104
RCEP C	2025	2025	0	C!G18104
RCEP C	2026	2026	0	C!H18104
RCEP C	2027	2027	0	C!I18104
RCEP D	2022	2022	0	D!D18103

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E18103
RCEP D	2024	2024	0	D!F18103
RCEP D	2025	2025	0	D!G18103
RCEP D	2026	2026	0	D!H18103
RCEP D	2027	2027	0	D!I18103
RCEP E	2022	2022	0	E!D18108
RCEP E	2023	2023	0	E!E18108
RCEP E	2024	2024	0	E!F18108
RCEP E	2025	2025	0	E!G18108
RCEP E	2026	2026	0	E!H18108
RCEP E	2027	2027	0	E!I18108
RCEP F	2022	2022	0	F!D18106
RCEP F	2023	2023	0	F!E18106
RCEP F	2024	2024	0	F!F18106
RCEP F	2025	2025	0	F!G18106
RCEP F	2026	2026	0	F!H18106
RCEP F	2027	2027	0	F!I18106
VIFTA	2024	2024	9	VI!F16976
VIFTA	2025	2025	8	VI!G16976
VIFTA	2026	2026	7	VI!H16976
VIFTA	2027	2027	6	VI!I16976

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 9508.23.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 9508.23.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9508.23.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 10% của mã 9508.23.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18814), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.